TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 31/05/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 268/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thị Đ**, sinh năm 1997; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Danh Út G**, sinh năm 1995; Nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Đang chấp hành án tại Trại giam K, cục C Bộ C1.

(Chị Thị Đ và anh Danh Út G có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thị Đ trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Thị Đ và anh D Út Gấm tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chị và anh G có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2021 nhưng anh chị chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời gian chuẩn bị làm đám cưới thì anh G đi làm công ty ở Bình Dương, anh G cùng một số người khác đánh nhau và phạm tội giết người, anh G bị phạt 8 năm tù, tính từ ngày

25/01/2021 hiện đang chấp hành án tại trại giam K, cục C bộ C1. Thời gian xa cách gần 04 năm chị và anh G không liên lạc gì nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh G không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Danh Út G.

- *Về con chung, tài sản và nợ chung*: Chị Thị Đ xác định chị và anh G không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2024 bị đơn anh Danh Út G trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Thị Đ tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh và chị Đ có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2021; anh và chị Đ đã chụp hình cưới nhưng anh chị chưa được tổ chức đám cưới thì anh đi làm công ty ở tỉnh Bình Dương. Tại đây, anh có liên quan đến vụ án giết người và bị Tòa án xử phạt phạt 8 năm tù, tính từ ngày 25/01/2021 hiện anh đang chấp hành án tại trại giam K, cục C thuộc Bộ C1. Trong thời gian anh chấp hành án phạt thì chị Đ có đến thăm anh và nói muốn ly hôn thì anh đồng ý. Nay chị Đ làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất yêu cầu giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung, tài sản và nợ chung*: Anh Danh Út G xác nhận anh và chị Đ không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Đ với anh Danh Út G.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: đề nghị không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Danh Út G, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Danh Út G có nơi đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên, chị Đ và anh G có văn bản thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án để giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị Đ và bị đơn anh Danh Út G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Chị Thị Đ và anh D Út Gấm xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, anh chị chưa tổ chức đám cưới nhưng anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2021. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thị Đ với anh D Út Gấm là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong thời gian chuẩn bị tổ chức lễ cưới thì anh G có liên quan đến vụ án giết người và bị Tòa án xử phạt phạt 8 năm tù, tính từ ngày 25/01/2021 hiện anh G đang chấp hành án tại trại giam K, cục C thuộc Bộ C1. Theo chị Đ trình bày từ khi anh G đi chấp hành án phạt tù cho đến nay đã gần 04 năm, trong thời gian này chị và anh G không có liên lạc với nhau cũng như không thực hiện nghĩa vụ chung vợ chồng, nay chị Đ xác định không còn tình cảm với anh G và chị cương quyết ly hôn thì được anh G đồng ý. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Đ với anh Danh Út G.

[3.2] *Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị Thị Đ và anh Danh Út G đều xác nhận là không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét.

Sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[3] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Đ với anh Danh Út G.

2/ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

3/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000973 ngày 23/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị Đ không phải nộp thêm, anh D Út G không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Hồng Điệp